

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK tăng điểm trước thông tin Chủ tịch nước yêu cầu Bộ Y tế tạo mọi điều kiện thuận lợi, cải cách thủ tục hành chính để sớm phê duyệt vaccine Nanocovax để kịp thời đáp ứng trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp như hiện nay

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Cập nhật công ty]

MSN, VIC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị có thể kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ nếu thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh trước khi chạm vùng đích kỳ vọng nhưng cần thực hiện chốt lời, giảm dần tỷ trọng ngắn hạn sau đó khi chỉ số tiến lên vùng mục tiêu.

30/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,310.05	+1.27
VN30	1,447.23	+1.38
HĐTL VN30F1M	1,445.00	+0.97
HNXIndex	314.85	+1.25
HNX30	503.85	+1.93
UPCoM	86.93	+0.92
USD/VND	22,964	-0.02
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.19	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.86	+11
Dầu (WTI, \$)	73.47	-0.20
Vàng (LME, \$)	1,828.88	+0.04



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,310.05 (+1.27%)
KLGD (triệu CP) 644.4 (+48.5%)
GTGD (triệu US\$) 947.6 (+33.7%)

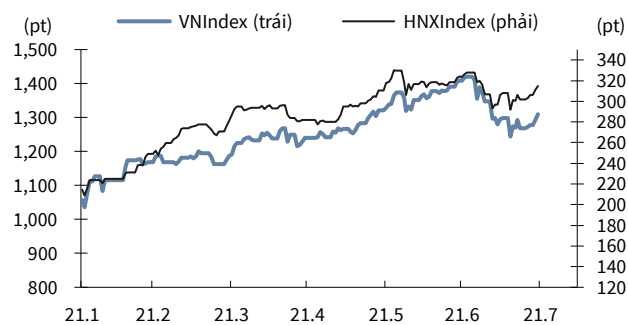
HNXIndex 314.85 (+1.25%)
KLGD (triệu CP) 109.7 (+19.0%)
GTGD (triệu US\$) 118.5 (+25.1%)

UPCoM 86.93 (+0.92%)
KLGD (triệu CP) 105.3 (+137.5%)
GTGD (triệu US\$) 42.0 (+16.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$)+21.7

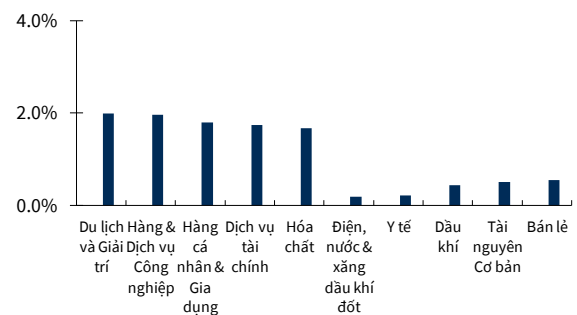
TTCK tăng điểm trước thông tin Chủ tịch nước yêu cầu Bộ Y tế tạo mọi điều kiện thuận lợi, cải cách thủ tục hành chính để sớm phê duyệt vaccine Nanocovax để kịp thời đáp ứng trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp như hiện nay. Bloomberg cho biết Chính phủ Trung Quốc đang cân nhắc áp thêm thuế đối với hoạt động xuất khẩu thép với mức thuế suất dự kiến từ 10-25% giúp cổ phiếu ngành thép tăng giá ở NKG (+1.5%), HPG (+0.4%). Cổ phiếu nhóm thủy sản tăng giá ở HVG (+4.8%), MPC (+0.6%) sau khi Hiệp hội Xuất khẩu Thủy sản Ấn Độ khuyến cáo doanh nghiệp không nên xuất khẩu tôm sang Trung Quốc trong bối cảnh 2 nước đang siết chặt việc kiểm tra virus SARS - CoV- 2 ở bề mặt bao bì thực phẩm đông lạnh. Cổ phiếu Masan MSN (+4.9%) tăng giá sau khi doanh nghiệp báo lãi quý II gấp 4 lần cùng kỳ nhờ VinCommerce, MHT cải thiện lợi nhuận. Khối ngoại mua ròng tại SSI (+1.1%), STB (+2.1%), MSN (+4.9%).

VNIndex & HNXIndex



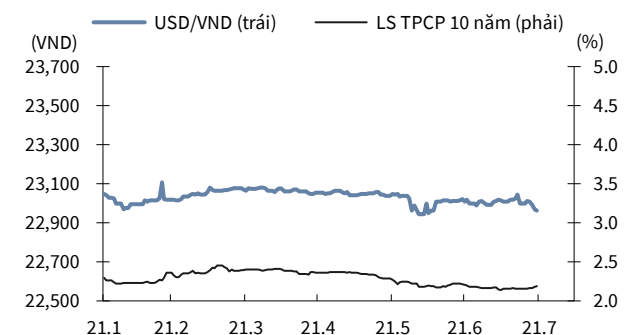
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



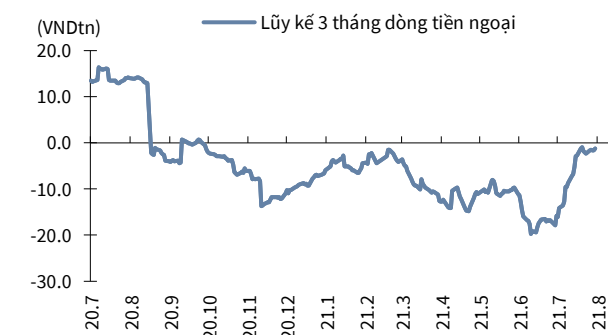
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

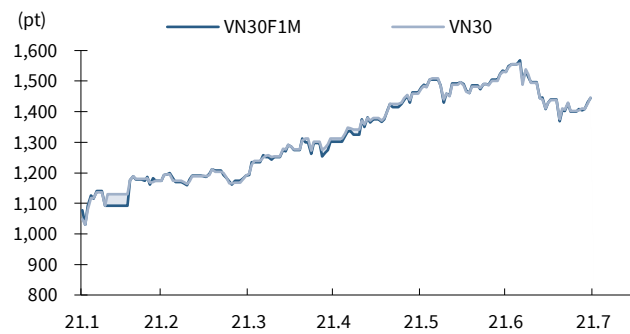
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,447.23 (+1.38%)
VN30F1M	1,445.0 (+0.97%)
Mở cửa	1,430.6
Cao nhất	1,446.6
Thấp nhất	1,427.2

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2108 và VN30 mở cửa ở mức 3.5, sau đó thu hẹp dần trong phiên và biến động với biên độ âm, rồi đóng cửa ở mức -2.2. NĐTNN mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm.

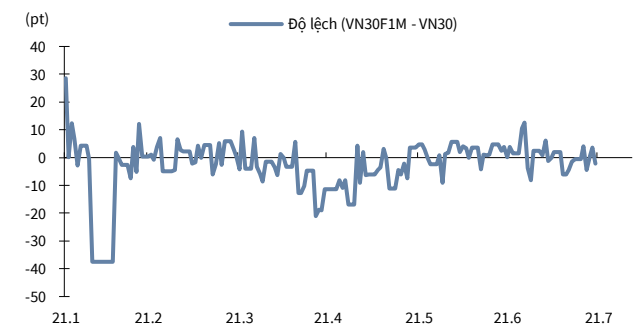
KLGD (HĐ)	235,481 (-11.8%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



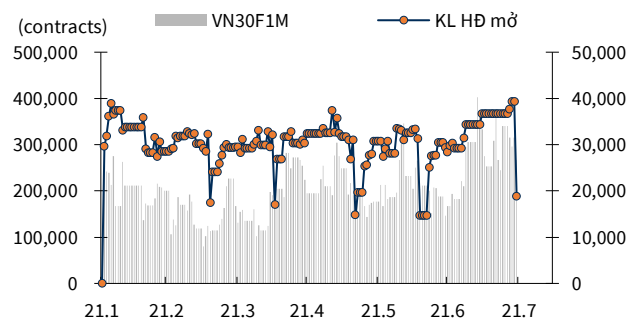
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



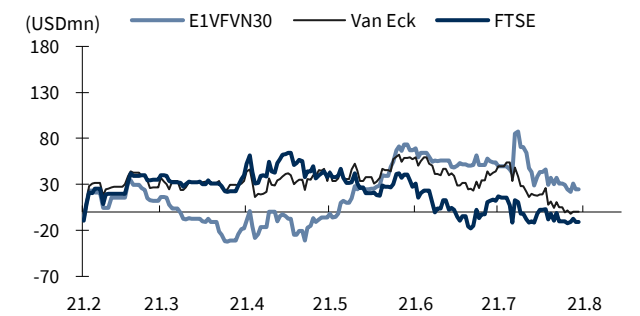
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

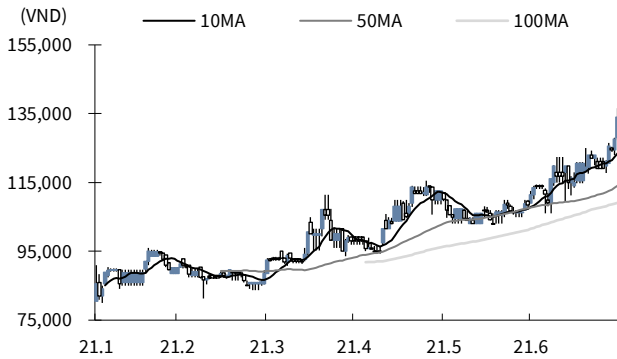
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

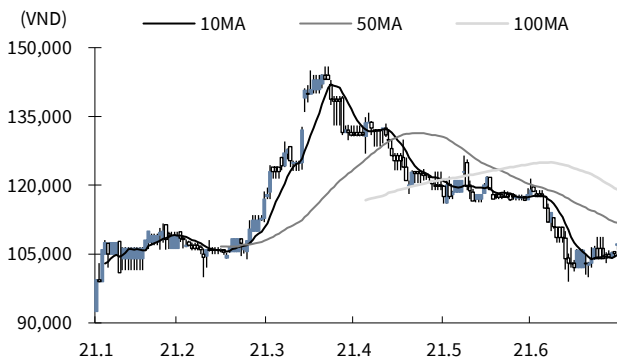
CTCP Tập đoàn Masan (MSN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN tăng +4.9% lên 134,000 VNĐ/cp
- Tập đoàn Masan công bố KQKD 2Q2021 với lợi nhuận 791 tỷ đồng (+305.6% YoY) và doanh thu 21,219 tỷ đồng (+19.4% YoY). Trong đó, doanh thu từ The CrownX đạt 12,927 tỷ đồng (+2.7% YoY), Masan MEATLife tăng 45.3% lên 5,528 tỷ đồng và Masan High-Tech Materials tăng 108.9% lên 3,144 tỷ đồng. s
- Trong quý III, Masan Group dự kiến doanh thu tăng hơn 20%, biên lợi nhuận gấp 2 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tập đoàn VINGROUP (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC tăng +2.0% lên 107,200 VNĐ/cp
- 2Q2021, Vingroup ghi nhận lợi nhuận đạt 565.5 tỷ đồng (-37% YoY) và doanh thu 38,451 tỷ đồng (+65% YoY), trong đó bất động sản và công nghiệp tăng mạnh với mức tăng lần lượt 62% và 53% so với cùng kỳ.
- VinFast đạt gần 16,000 xe bán ra trong 6 tháng đầu năm và đưa vào hoạt động các chi nhánh tại Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Đức và Hà Lan.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

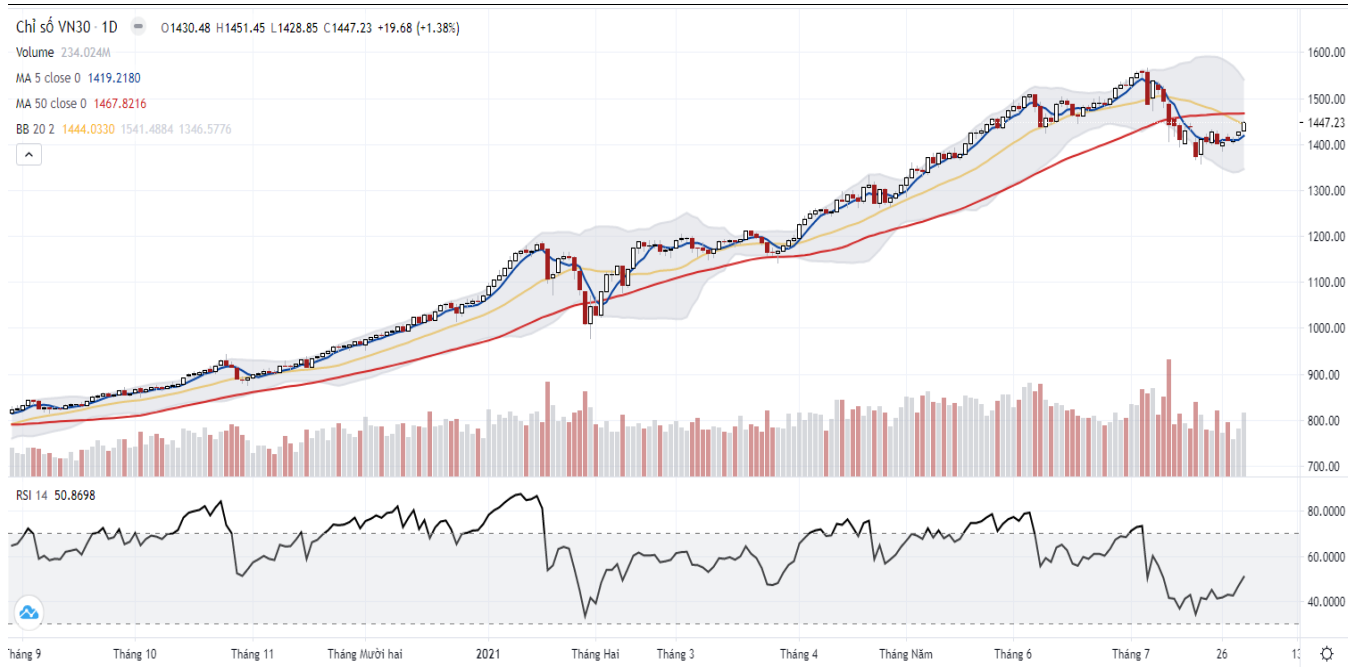
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



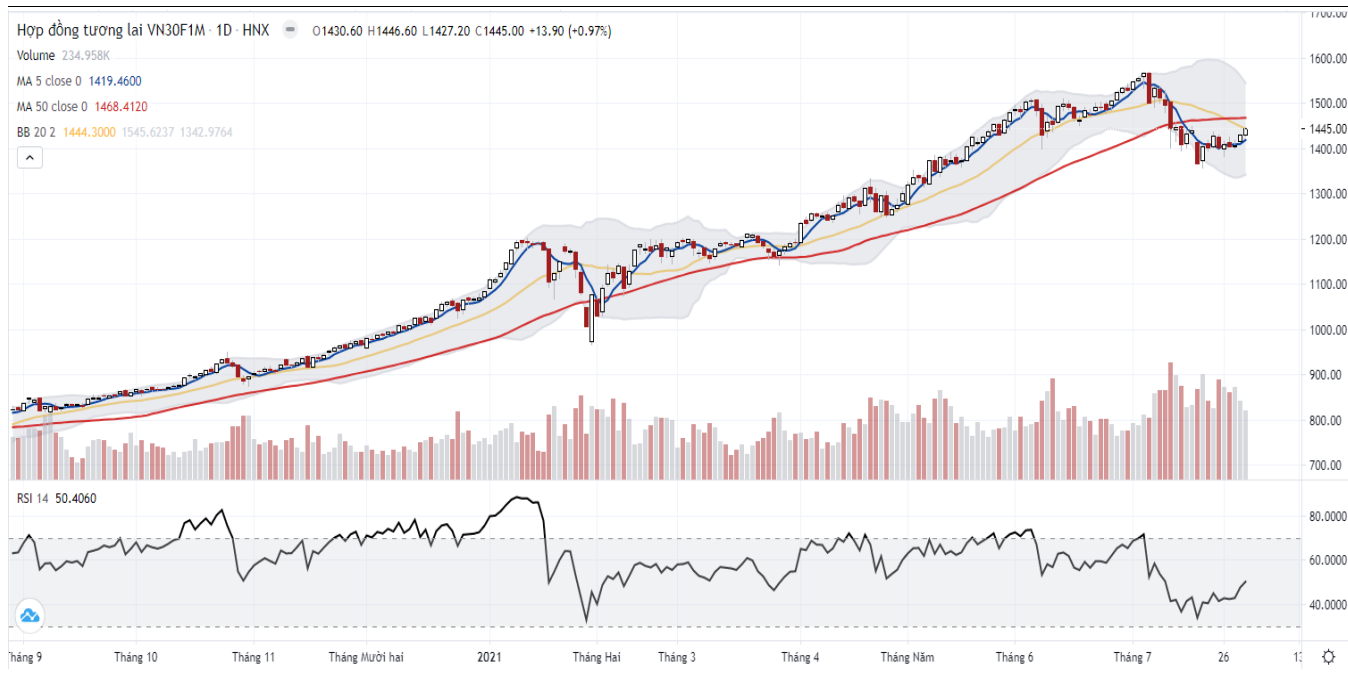
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm ngay từ đầu phiên và dần mở rộng đà tăng hưng phấn về cuối phiên.
- Xung lực mạnh cùng thanh khoản cải thiện đã giúp chỉ số vượt vùng cản 130x, hiện đã đảo vai trò trở thành điểm đỡ gần cho VNIndex. Mặc dù sau nhịp hồi phục mạnh, áp lực rung lắc sẽ sớm xuất hiện trong những phiên đầu tuần tới nhưng chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục xu hướng tăng điểm, tiến lên vùng đích kỳ vọng tại 133x trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- NĐT được khuyến nghị có thể kết hợp mở thêm 1 phần vị thế T+ nếu thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh trước khi chạm vùng đích kỳ vọng nhưng cần thực hiện chốt lời, giảm dần tỷ trọng ngắn hạn sau đó khi chỉ số tiến lên vùng mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1460 - 1465

Kháng cự gần: 1451 - 1456

Hỗ trợ gần: 1438 - 1440

Hỗ trợ xa: 1431 - 1434

- F1 diễn biến giằng co đầu phiên trước khi hồi phục và mở rộng đà tăng điểm về cuối phiên.
- Mặc dù sau nhịp hồi phục mạnh, áp lực rung lắc sẽ sớm xuất hiện trong những phiên đầu tuần tới nhưng chỉ số nhiều khả năng sẽ tiếp tục xu hướng tăng điểm, tiến lên vùng đích kỳ vọng tại 146x trước khi gặp áp lực điều chỉnh rõ nét hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ trong phiên.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế qua đêm đã mở và chỉ chốt lời từng phần khi đạt đến vùng đích kỳ vọng.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

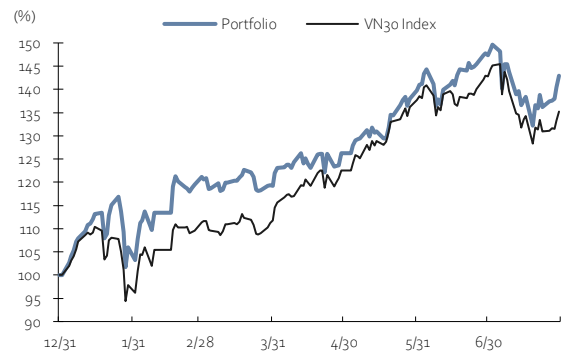
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.38%	1.83%
Tăng lũy kế (YTD)	35.16%	42.98%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	164,100	0.8%	40.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	43,700	4.0%	71.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	95,800	3.0%	21.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,900	1.8%	125.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	55,000	5.0%	54.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	94,000	0.6%	220.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	34,400	1.5%	79.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	89,600	0.1%	21.9%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,300	0.4%	225.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	34,450	1.0%	148.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SSI	1.1%	48.2%	176.9
STB	2.1%	14.2%	125.8
MSN	4.9%	33.3%	102.2
CTG	1.5%	24.5%	88.6
MBB	1.8%	21.7%	61.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.6%	4.0%	-1.5
APS	5.6%	1.8%	-1.0
EVS	-0.3%	0.1%	-0.5
NBP	0.7%	5.3%	-0.4
LAS	3.6%	0.1%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	0.4%	16.4%	18.8
DXS	3.5%	18.2%	5.4
NSC	-0.9%	7.2%	3.6
SHB	2.6%	4.0%	1.4
PVI	1.8%	53.0%	0.9

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	-0.6%	4.0%	-1.5
APS	5.6%	1.8%	-1.0
EVS	-0.3%	0.1%	-0.5
NBP	0.7%	5.3%	-0.4
LAS	3.6%	0.1%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Hóa chất	6.7%	GVR, DGC
Công nghệ thông tin	5.5%	FPT, CMG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.6%	GEX, GMD
Dịch vụ tài chính	3.3%	SSI, VND
Thực phẩm và đồ uống	2.7%	MSN, SAB

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Bất động sản	-0.2%	VHM, NVL
Bán lẻ	0.1%	MWG, PSH
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.3%	BWE, PPC
Tài nguyên Cơ bản	0.7%	VID, TTF
Y tế	0.7%	DCL, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tích cực nhất		
Bán lẻ	4.4%	MWG, FRT
Công nghệ thông tin	1.8%	FPT, CMG
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%	MSN, VCF
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.1%	LGC, TMS
Y tế	-1.2%	PME, TRA

	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất		
Ngân hàng	-11.3%	VCB, CTG
Truyền thông	-10.5%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-9.8%	BVH, MIG
Tài nguyên Cơ bản	-9.5%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	-8.9%	FUESSVFL, TVS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E	20E		21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	239,276 (10.4)	22.5	58.2	57.4	14.7	7.2	8.2	4.1	3.7	2.0	3.1	-9.9	-0.9	
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	458,988 (20.0)	26.6	11.6	10.2	35.9	31.7	27.5	3.1	2.4	0.4	0.7	-8.2	21.0	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	132,668 (5.8)	17.8	23.5	18.6	-7.6	8.4	10.1	2.0	1.8	1.1	2.4	-	-11.9	
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	353,213 (15.4)	31.3	28.2	30.9	6.7	16.2	13.0	4.4	4.3	0.0	1.0	-	116.2	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	156,966 (6.8)	11.6	21.3	15.8	18.0	14.2	17.0	2.8	2.4	2.3	6.0	8.4	52.8	
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	139,139 (6.0)	13.9	12.7	7.6	-	14.0	18.2	1.5	1.2	1.4	4.1	-	35.1	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	204,365 (8.9)	6.3	15.8	13.5	11.7	22.1	21.4	3.1	2.6	0.1	1.0	-	0.1	
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	121,639 (5.3)	12.7	17.5	12.8	-5.3	11.9	14.5	1.8	1.6	0.2	2.2	-	-14.2	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,292,387 (56.2)	0.0	10.9	9.3	14.3	20.0	19.3	2.0	1.6	1.0	3.2	-3.0	62.2	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	720,673 (31.3)	1.4	7.5	6.7	61.1	20.4	19.7	1.4	1.2	1.5	5.8	-	28.5	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,128,512 (49.1)	0.0	10.7	10.2	18.8	25.1	17.8	1.9	1.5	5.7	4.3	-9.9	87.7	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	674,330 (29.3)	0.0	8.7	7.5	14.6	21.5	20.9	1.6	1.3	1.8	4.1	-	71.2	
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	127,025 (5.5)	4.2	9.8	8.1	23.3	21.2	20.1	1.8	1.5	0.9	4.2	-5.1	41.9	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	912,868 (39.7)	14.0	23.0	15.4	26.5	8.9	11.8	1.8	1.6	2.0	4.2	-2.3	76.9	
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	203,718 (8.9)	0.0	8.3	6.9	37.5	22.0	21.4	1.7	1.4	0.9	6.1	-4.8	30.6	
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	15,968 (0.7)	0.2	38.2	20.7	27.3	5.8	10.0	1.8	1.7	1.5	1.5	-	37.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	54,406 (2.4)	21.0	22.1	19.6	15.2	8.4	9.0	1.8	1.7	1.4	1.4	-	-22.6	
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	23,249 (1.0)	14.2	14.6	14.9	9.1	11.4	11.7	1.5	1.4	0.0	-1.3	9.1	31.4	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	718,444 (31.2)	55.4	27.2	22.2	-3.2	14.1	14.5	4.0	3.7	1.1	7.9	-0.7	65.0	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	183,628 (8.0)	71.9	16.3	11.9	-4.0	22.5	25.3	3.3	2.8	4.3	5.1	-4.6	71.1	
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	274,837 (11.9)	52.4	19.2	14.6	-25.5	19.1	21.4	3.2	2.9	1.9	5.7	-6.4	52.4	
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	338,903 (14.7)	27.2	17.5	16.4	36.3	21.3	17.0	2.9	2.6	0.4	10.6	3.8	145.5	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	272,367 (11.8)	42.1	17.7	16.7	4.0	32.9	33.6	5.5	5.2	-0.8	-1.7	-4.8	-20.9	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,351 (1.0)	36.9	20.2	17.1	7.3	24.3	25.6	4.4	4.1	1.3	3.5	-6.0	-18.5	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	205,546 (8.9)	16.5	56.8	33.3	-51.9	12.9	17.9	7.7	6.2	4.9	12.6	20.3	50.7	
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	82,952 (3.6)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.1	-6.1	28.2	-46.7		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	73,652 (3.2)	11.0	150.7	23.1	-88.5	3.8	16.6	3.3	2.7	-1.2	-0.4	-7.0	-9.6	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	132,983 (5.8)	10.8	27.3	19.2	-57.0	8.3	11.5	2.2	2.1	2.1	8.5	7.2	41.4	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	33,162 (1.4)	38.4	12.6	7.6	65.7	6.5	9.9	0.9	0.9	0.6	-0.6	15.7	-24.8	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	75,570 (3.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	2.3	-	96.4	
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	118,904 (5.2)	37.7	16.2	11.2	-12.7	12.7	13.8	-	-	2.9	6.3	3.2	26.5	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	16,609 (0.7)	3.6	14.2	12.6	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	5.9	5.0	-2.6	-18.9	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	32,794 (1.4)	0.0	9.4	7.6	-4.5	13.4	15.2	1.2	1.1	5.0	6.8	-4.7	12.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	73,969 (3.2)	46.1	17.8	15.3	-17.5	19.2	20.4	3.2	3.0	0.1	1.8	-3.7	3.5	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,935 (0.3)	31.4	14.3	9.3	-10.5	9.1	14.1	1.2	1.2	0.8	0.5	-9.8	-24.8	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,470 (0.2)	34.1	9.0	9.4	-5.1	11.1	13.3	1.2	1.2	-0.4	-2.4	-	10.6	-8.8
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,539,906 (66.9)	18.0	7.6	7.2	21.9	37.9	28.9	2.4	1.8	0.4	3.3	-8.2	54.1	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	57,485 (2.5)	36.5	11.6	15.8	-0.5	11.0	7.8	1.2	1.1	5.1	15.9	7.4	35.9	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	74,735 (3.2)	46.5	17.9	18.5	-4.5	10.1	9.1	1.7	1.6	4.7	9.8	-3.8	44.3	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	466,032 (20.3)	38.9	5.5	7.1	67.9	33.3	23.9	1.9	1.5	1.1	6.7	-	11.0	85.2
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	115,333 (5.0)	97.2	10.3	11.2	17.2	10.5	11.0	1.0	1.0	0.0	3.9	-	17.2	12.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	79,236 (3.4)	4.6	18.5	15.7	-51.0	16.0	16.7	2.6	2.6	0.6	2.2	-6.4	-6.0	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	107,302 (4.7)	39.9	39.9	16.7	-11.9	1.4	3.5	0.5	0.5	-0.8	5.5	-	17.5	12.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	67,176 (2.9)	35.9	8.6	8.1	1.2	13.6	13.4	1.2	1.1	-0.5	5.1	-	11.9	32.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	190,528 (8.3)	0.0	15.6	12.9	13.7	26.5	26.7	3.8	3.3	0.8	1.5	8.0	38.0	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	79,751 (3.5)	0.0	16.9	13.3	2.4	23.5	23.6	3.5	3.0	3.0	5.3	-4.3	18.3	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,637 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-4.3	-	24.7	-66.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	101,704 (4.4)	30.3	28.1	19.6	-75.2	8.5	11.8	2.4	2.2	0.0	10.8	38.2	17.0	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	35,429 (1.5)	34.6	7.8	11.1	41.2	26.2	19.9	1.9	2.0	2.3	1.2	-	12.0	-21.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,451 (0.1)	45.4	16.7	15.5	10.7	20.3	20.2	3.2	2.9	-0.5	0.9	-2.1	-10.0	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	036 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.6	0.6	10.5	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	320,004 (13.9)	0.0	20.8	17.4	15.6	25.0	25.8	4.6	4.0	0.6	3.9	6.8	82.9	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.